

# Âm Chêm (Fugenelement)

Cấu tạo tính từ và trạng từ từ danh từ, chúng ta thấy người Đức dùng hai phương pháp như sau:

1. Phương pháp thêm **vĩ ngữ** vào một **gốc danh từ** (Ableitung=Phép chuyển hóa)

Fehler	Glück	Sprache	Zufall	Kind	Gefühl	Held
lỗi	phúc, phước	ngôn ngữ	sự tình cờ	đứa bé	cảm xúc	anh hùng
fehlerhaft	glücklich	sprachlos	zufällig	kinderreich	gefühlssarm	heldenhaft
có nhiều lỗi	hạnh phúc	sững sờ, không nên lời	tình cờ	đông con	nghèo tình cảm	một cách anh hùng

2. Phương pháp ghép một tính từ vào **gốc danh từ** (Komposita=Phép ghép từ)

Butter	Glas	Zucker	Stroh	Kind	Gefühl	Mensch
bơ	cái ly	đường ăn	rơm, rạ	đứa bé	tình cảm, cảm xúc	người
butterweich	glasklar	zuckersüß	strohdumm	kinderleicht	gefühlssaktiv	menschenscheu
mềm như bơ	trong veo	ngọt như đường	ngụ như bọ (đây như rạ)	dễ ợt	đầy cảm xúc	nhút nhát

3. Còn phương pháp thứ ba là thêm tiếp đầu ngữ vào tính từ để có tính từ mới, nhưng phần này sẽ không được nói đến

sinnlich	gewöhnlich	anständig	komisch	gelaunt
có cảm giác	thường lệ	đàng hoàng	lạ lùng/ hài hước	vui tính
übersinnlich	außergewöhnlich	grundanständig	urkommisch	mißgelaunt
phi thường	đặc biệt	nhất đàng hoàng	nhất khôi hài	gắt gỏng, khó chịu

## Âm Chêm (Fugenelement)

Trong phương pháp 1) và 2) có một vấn đề to lớn và khó giải quyết, đó việc 'chêm âm' giữa hai phần từ chính khi ghép từ. Chính người Đức cũng có khó khăn khi phải giải quyết vấn đề này. Sau đây là những âm chêm thường được sử dụng trong tiếng Đức:

-e-	-er-	-en-	-ens-	-es-	-s-
-----	------	------	-------	------	-----

Nhìn kỹ lại chúng ta nhận thấy:

- 2 âm chêm đầu tiên là số nhiều của gốc danh từ:  
Tag → Tage (ngày)      Kind → Kinder (đứa bé)  
Stadt → Städte (thành phố)      Huhn → Hühner (gà)
- âm chêm **-en-** phát xuất từ danh từ yếu nam tính ở dạng sở hữu cách  
Mensch → des Menschen (con người)
- và 2 âm chêm sau do dạng sở hữu cách của danh từ nam tính hoặc trung tính:  
Herz → des Herzens (tim)      Tag → des Tages

Âm chêm	Ví dụ	Luật
<b>-e-</b>	kräftemäßig hundeeelend	<b>-e-</b> chỉ tìm thấy sau những danh từ khi đổi qua số nhiều được tận cùng bằng <b>-e</b> . (Tag → Tage). Nhiều danh từ khi đổi qua số nhiều cần phải biến âm (Stadt → Städte)
<b>-en-</b>	menschenähnlich krankensichert flaschengrün kalorienarm	<b>-en-</b> chỉ tìm thấy sau danh từ yếu ở dạng sở hữu cách (Mensch → des Menschen); sau những tính từ được danh từ hóa (krank → des Kranken); sau danh từ nữ tính tận cùng bằng <b>-in</b> (Studentin → Studentinnen); sau danh từ nữ tính tận cùng bằng <b>-e</b> (Familie → Familien) <b>-en-</b> <b>không</b> bao giờ đứng sau danh từ khi qua số nhiều tận cùng bằng <b>-er/-s</b> hoặc không đổi dạng
<b>-er-</b>	kinderreich hühnerblind	<b>-er-</b> chỉ tìm thấy sau những danh từ khi đổi qua số nhiều được tận cùng bằng <b>-er</b> (Bild → Bilder/ Huhn → Hühner)
<b>-es-</b>	tagesaktuell bundesweit siegsgewiss	<b>-es-</b> chỉ tìm thấy sau những danh từ nam tính hoặc trung tính khi đổi qua số nhiều được tận cùng bằng <b>-es</b> (Bund → des Bundes/ Tag → des Tages/ Jahr → des Jahres) <b>-es-</b> <b>không</b> đứng sau danh từ chuyển hóa hay danh từ ghép

<p><b>-s-</b></p>	<p>gefühlsaktiv berufstätig bedeutungsvoll realitätsfern unmutsvoll hilfsbereit heiratsfähig</p>	<p><b>-s-</b> thường đứng sau những vĩ ngữ như: <b>-heit, -keit; -ling; -sal; -schaft; -tum; -ung; -ion; -tät.</b> sau những động từ nguyên mẫu được danh từ hóa: <b>verhaltensgestört</b> sau danh từ nữ tính tận cùng bằng <b>-at</b> und <b>-ut</b>: Ví dụ.: <b>Heirat, Institut</b> sau danh từ ghép nữ tính với các từ <b>-fahrt, -flucht, -furcht, -macht, -sicht, -sucht, -nacht, -zucht.</b> sau danh từ nam tính hay trung tính khi đổi qua sở hữu cách được tận cùng bằng <b>-s</b> sau những danh từ nữ tính như: <b>Geduld-, Bibliothek-, Sorgfalt-, Unschuld-, Geschichte-, Hilfe-</b> : Geduld<span style="color:blue">s</span>probe</p>
<p><b>-ens-</b></p>	<p>herzensgut willensstark</p>	<p><b>-ens-</b> thường đứng sau một số danh từ yếu nam tính ở sở hữu cách: Wille → des Willens, Name → des Namens, và trung tính là “Herz” → des Herzens</p>